

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		570.222.924.672	424.776.655.164
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	24.748.861.966	39.055.954.264
1. Tiền	111		24.748.861.966	36.755.954.264
2. Các khoản tương đương tiền	112			2.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.913.229.600	12.941.279.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	26.734.478.209	14.031.316.291
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.821.248.609)	(1.090.037.291)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		207.091.125.092	220.490.777.647
1. Phải thu khách hàng	131		170.537.947.769	138.564.878.911
2. Trả trước cho người bán	132		22.460.714.686	90.836.414.723
3. Các khoản phải thu khác	135		25.091.575.547	1.792.294.711
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11.024.112.910)	(10.702.810.698)
IV. Hàng tồn kho	140		297.390.590.989	140.649.200.778
1. Hàng tồn kho	141	5	297.390.590.989	140.649.200.778
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.079.117.025	11.639.443.475
1. Chi phí trả trước ngắn hạn			16.476.199	53.951.245
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	15.993.106.429	11.585.492.230

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.239.674.717	88.693.122.641
I. Tài sản cố định	220		27.834.951.794	29.925.419.964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	24.838.089.336	26.694.215.110
- Nguyên giá	222		60.227.616.390	58.654.393.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.389.527.054)	(31.960.178.151)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	2.996.862.458	3.231.204.854
- Nguyên giá	228		4.686.848.000	4.686.848.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.689.985.542)	(1.455.643.146)
II. Bất động sản đầu tư	240		48.531.749.023	44.342.622.737
- Nguyên giá	241	9	52.257.110.810	46.633.928.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.725.361.787)	(2.291.306.205)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.403.931.285	5.403.931.285
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10.2	903.931.285	903.931.285
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10.3	4.500.000.000	4.500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		23.469.042.615	9.021.148.655
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	23.221.093.155	8.957.490.655
2. Tài sản dài hạn khác	268		247.949.460	63.658.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		675.462.599.389	513.469.777.805

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		415.848.125.384	363.389.318.615
I. Nợ ngắn hạn	310		357.022.248.482	348.891.693.214
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	151.190.950.285	122.459.859.997
2. Phải trả người bán	312		81.873.465.667	67.168.538.707
3. Người mua trả tiền trước	313		9.582.333.585	14.669.804.091
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	29.034.135.001	54.943.177.421
5. Phải trả người lao động	315		5.961.003.869	4.516.333.418
6. Chi phí phải trả	316	14	50.306.413.702	61.071.135.502
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	26.460.944.997	21.245.566.478
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.613.001.376	2.817.277.600
II. Nợ dài hạn	330		58.825.876.902	14.497.625.401
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.992.818.214	5.952.955.946
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	51.742.119.000	8.544.669.455
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		90.939.688	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.273.142.835	149.845.632.739
I. Vốn chủ sở hữu	410		249.273.142.835	149.845.632.739
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	124.657.150.000	64.657.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	77.142.009.600	48.476.809.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	13.666.410.506	11.556.782.318
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	5.541.026.875	4.034.149.598
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	28.266.545.854	21.120.741.223
C. LỢI ÍCH CỦA ĐÔNG THIÊU SỞ	500		10.341.331.170	234.826.451
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		675.462.599.389	513.469.777.805



Vũ Sinh Thiện
 Kế toán trưởng
 Ngày 14 tháng 02 năm 2011

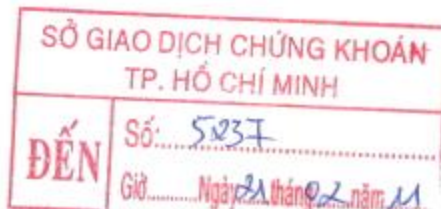


Lê Văn Chính
 Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

QUÝ 4 - NĂM 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam.



CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	NĂM 2010		NĂM 2009	
			Quý 4	Lũy kế từ đầu năm	Quý 4	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	19	99,598,526,031	383,606,853,967	85,845,964,793	311,981,464,018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99,598,526,031	383,606,853,967	85,845,964,793	311,981,464,018
4. Giá vốn hàng bán	11	20	91,252,577,654	321,335,075,738	75,735,602,531	269,526,983,146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,345,948,377	62,271,778,229	10,110,362,262	42,454,480,872
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1,582,581,620	3,558,691,646	410,752,357	2,477,367,053
7. Chi phí tài chính	22	22	2,950,601,636	10,135,050,521	2,815,508,889	4,067,771,827
-Trong đó: Lãi vay phải trả	23		2,809,394,836	8,834,402,721		3,407,893,478
8. Chi phí bán hàng	24		186,410,023	671,843,347	298,696,948	848,954,220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,351,004,985	13,649,943,305	3,657,662,677	9,560,625,819
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1,440,513,353	41,373,632,702	3,749,246,105	30,454,496,059
11. Thu nhập khác	31		354,627,443	889,443,705	902,838,328	2,302,825,264
12. Chi phí khác	32			256,806,371	579,482,777	1,034,167,676
13. Lợi nhuận khác	40		354,627,443	632,637,334	323,355,551	1,268,657,588
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45				(396,068,715)	(396,068,715)
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		1,795,140,796	42,006,270,036	4,072,601,656	31,327,084,932
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		411,379,397	10,447,759,196	2,376,871,877	9,478,726,313
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1,383,761,399	31,558,510,840	1,695,729,779	21,848,358,619
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		56,901,663	61,628,654	(176,163,316)	(370,532,295)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		1,326,859,736	31,496,882,186	1,871,893,095	22,218,890,914
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					3,444

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bui Thi Hong Nga

Vu Sinh Thien

Bùi Thị Hồng Nga

Vũ Sinh Thiện



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Chinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.006.270.036	31.327.084.932
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		5.097.746.881	5.521.129.107
- Các khoản dự phòng	03		1.143.453.218	3.028.660.401
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.829.099.169)	(1.432.037.499)
- Chi phí lãi vay	06		8.834.402.721	3.407.893.478
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55.252.773.687	41.852.730.419
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		8.511.444.684	(88.855.354.421)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(161.767.872.393)	(53.642.666.111)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(27.632.109.216)	39.110.204.710
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(14.226.127.454)	(812.211.522)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9.286.608.256)	(8.879.406.412)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.110.610.937)	(5.019.199.285)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.011.970.322	2.425.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(217.621.392)	(1.327.256.670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(141.464.760.955)	(77.570.734.292)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.169.922.815)	(2.859.186.099)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		596.699.686	57.142.857
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(174.501.500.000)	(29.119.974.574)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		161.450.000.000	45.392.578.507
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(614.682.500)	
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		963.020.582	
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.829.099.169	2.401.979.435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.447.285.878)	15.872.540.126

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
-Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		82.199.840.000	1.228.900.000
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		292.597.114.607	205.209.198.518
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(220.668.574.774)	(130.266.631.961)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.523.425.298)	(3.868.629.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		139.604.954.535	72.302.837.557
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(14.307.092.298)	10.604.643.391
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		39.055.954.264	28.451.310.873
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3	24.748.861.966	39.055.954.264



Vũ Sinh Thiện
Kế toán trưởng
Ngày 14 tháng 02 năm 2011



Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Chương Dương là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công Ty Xây dựng số 1 theo quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 03 năm 2010.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Công ty có trụ sở tại 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có bốn công ty con sau:

- 1) Công ty TNHH Thương mại Chương Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102046632 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Chương Dương.
- 2) Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102046739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 07 năm 2007. Công ty chiếm 65% tương ứng với 1.300.000.000 đồng vốn điều lệ của công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1 và đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp đủ vốn.
- (3) Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0309869525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2010, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 80% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã góp 128.908.967 đồng chiếm 13% vốn điều lệ.
- (4) Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thuận Thành Phát là một Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 048337 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 1995 và thay đổi lần 10 vào ngày 18 tháng 11 năm 2009, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 93,3%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã góp 123.148.280.503 đồng chiếm 83% vốn điều lệ.

Công ty có một công ty liên kết sau:

Công ty cổ phần Tháp Nam Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 04 năm 2007 và theo các chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau này. Công ty chiếm 30% vốn điều lệ của công ty cổ phần Tháp Nam Việt. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty đã góp 1.300.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40,86% vốn thực tế đã góp của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đang ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các công ty con: Các Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ghi nhận lợi ích của công ty trên lỗ hoặc lãi của công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến khi kết thúc.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất: Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên doanh được loại trừ ở mức lợi ích của công ty trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản thu tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 30 năm
Máy móc thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất và nhà cửa	30 năm
------------------------------	--------

Các khoản đầu tư chứng khoán

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, lợi thế thương mại được phân bổ dần từ 2 năm đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản công nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ tài sản và công nợ ngắn hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa cụ thể như sau:

- Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản cố định cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định.
- Chi phí lãi vay liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản được hạch toán vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh khi phát sinh doanh thu từ việc bán các sản phẩm từ các dự án bất động sản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc niên độ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	9.161.906.480	5.369.942.428
Tiền gửi ngân hàng	15.586.955.486	31.386.011.836
Tiền gửi VND	15.582.372.943	31.381.429.293
Tiền gửi USD	4.582.543	4.582.543
Các khoản tương đương tiền (*)		2.300.000.000
Tổng cộng	24.748.861.966	39.055.954.264

(*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, lãi suất 8%/năm, lãi được thanh toán vào cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số lượng	Số cuối kỳ	Số lượng	Số đầu kỳ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		4.764.978.209		5.181.316.291
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	8.000	374.935.000	4.000	374.935.000
Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE	14.960	492.984.000	6.800	492.984.000
Công ty CP Cấp & Vật liệu viễn thông SAM	3.600	176.642.000	3.600	176.642.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	28.957	507.853.724	21.450	456.373.724
Công ty CP phân đạm & hóa chất dầu khí (DPM)	5.000	239.979.000	5.000	239.979.000
Tổng công ty bảo hiểm dầu khí Việt Nam (PVI)	4.050	112.053.250	3.000	101.553.250
Công ty CP Xi măng Bim Sơn (BCC)	5.000	87.718.750	5.000	87.718.750
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn (BKC)	-		3.000	111.879.000
Tập đoàn Bảo Việt (BVH)	-		10.000	372.537.762
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (EIB)	14.400	341.476.800	12.000	341.476.800
Công ty CP Xi măng Hoàng Mai (HOM)	6.000	105.289.800	6.000	105.289.800
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	4.730	92.551.230	4.730	92.551.230
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	3.000	86.659.200	3.000	86.659.200
Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVF)	17.000	673.329.125	12.000	519.946.625
Công ty CP vận tải dầu khí (PVT)	23.100	328.127.630	23.130	432.056.250
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	3.699	36.989.700	6.000	191.926.500
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SGT)	-		3.000	83.048.400
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	24.000	666.884.000	16.000	506.884.000
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS)	6.000	156.315.000	3.000	126.315.000
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (VCB)	5.463	285.190.000	5.000	280.560.000
Trái phiếu		68.000.000		
Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE	68	68.000.000		
Tiền gửi có kỳ hạn		21.901.500.000		8.850.000.000
Tổng cộng		26.734.478.209		14.031.316.291

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

4. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ông Nguyễn Minh Hưng	23.083.258.960	
Phải thu khác	2.008.316.587	1.792.294.711
Tổng cộng	25.091.575.547	1.792.294.711

5. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên liệu, vật liệu	3.097.246.625	9.639.295.576
Công cụ dụng cụ	1.000.409.154	1.021.090.071
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	291.701.860.763	129.891.401.156
+ Công trình xây dựng	44.240.157.809	29.783.850.374
+ Dự án bất động sản	247.461.702.954	100.107.550.782
Hàng hóa	1.591.074.447	97.413.975
Tổng cộng	297.390.590.989	140.649.200.778

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tạm ứng	15.514.593.733	10.890.547.782
Ký quỹ, ký cược	404.741.333	621.173.085
Tài sản thiếu chờ xử lý	73.771.363	73.771.363
Tổng cộng	15.993.106.429	11.585.492.230

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	4.686.848.000	4.686.848.000
Số dư cuối kỳ	4.686.848.000	4.686.848.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.455.643.146	1.455.643.146
Khấu hao trong kỳ	234.342.396	234.342.396
Số dư cuối kỳ	1.689.985.542	1.689.985.542
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	3.231.204.854	3.231.204.854
Tại ngày cuối kỳ	2.996.862.458	2.996.862.458

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	14.928.350.764	24.331.344.278	18.205.005.999	1.189.692.220	58.654.393.261
Mua trong kỳ	102.505.537	214.004.105	2.097.638.563	184.937.276	2.599.085.481
Thanh lý, nhượng bán	-	524.838.236	371.950.000	129.074.116	1.025.862.352
Số dư cuối kỳ	15.030.856.301	24.020.510.147	19.930.694.562	1.245.555.380	60.227.616.390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.395.326.233	15.140.283.924	8.682.929.472	741.638.522	31.960.178.151
Khấu hao trong kỳ	601.704.373	1.727.789.413	1.797.897.083	170.411.831	4.297.802.730
Thanh lý, nhượng bán	-	408.978.173	371.950.000	87.525.624	868.453.797
Số dư cuối kỳ	7.997.030.606	16.459.095.164	10.108.876.555	824.524.729	35.389.527.054
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	7.533.024.531	9.191.060.354	9.522.076.527	448.053.698	26.694.215.110
Tại ngày cuối kỳ	7.033.825.695	7.561.414.983	9.821.818.007	421.030.651	24.838.089.336

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư			
- Nhà và quyền sử dụng đất	46.633.928.942	5.623.181.868	52.257.110.810
Giá trị hao mòn lũy kế			
- Nhà và quyền sử dụng đất	2.291.306.205	1.434.055.582	3.725.361.787
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư			
- Nhà và quyền sử dụng đất	44.342.622.737	4.189.126.286	48.531.749.023

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Tỷ lệ vốn tham gia	Số cuối kỳ	Tỷ lệ vốn tham gia	Số đầu kỳ
Công ty CP Tháp Nam Việt (*)	30%	1.300.000.000	30%	1.300.000.000
Tổng cộng		1.300.000.000		1.300.000.000

b. Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty cổ phần BOT Cầu Đồng Nai	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty cổ phần Thủy Điện Srok Miêng IDICO	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	4.500.000.000	4.500.000.000

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ	1.865.316.927	3.608.205.654
Lợi thế doanh nghiệp	120.000.000	160.000.000
Chi phí lãi vay	21.235.776.228	5.189.285.001
Tổng cộng	23.221.093.155	8.957.490.655

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngân hàng Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (1)	34.479.743.618	25.056.904.179
Công ty Tài Chính Cao Su		80.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 (2)	30.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 (3)	4.459.606.667	4.490.375.818
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 (4)	10.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (5)	70.000.000.000	
Ngân hàng SHB – Chi nhánh TP.HCM (6)	2.200.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 16)	51.600.000	2.912.580.000
Tổng cộng	151.190.950.285	122.459.859.997

(1) Vay ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Đồng Nai lãi suất từ 1,41%/tháng. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công trình, quyền phải thu khối lượng công trình. Mục đích vay thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp và trả tiền lương công nhân công trình, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(2) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 với lãi suất khoảng 1,41%/năm, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là khoản tiền gửi có kỳ hạn 15 tỷ đồng mở tại ngân hàng, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(3) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 với lãi suất khoảng 14,5%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi được trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn.

(4) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 với lãi suất khoảng 1,41%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền khối lượng thi công xây lắp, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng. Tài sản thế chấp là BĐS tại địa chỉ số 100/6 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, Q1, TP. Hồ Chí Minh

(5) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín với lãi suất khoảng 14,5%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động xây dựng và hoạt động cho thuê văn phòng. Tài sản thế chấp là 02 BĐS tọa lạc tại 225 Bến Chương Dương, Quận 1, TP.HCM, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(6) Vay Ngân hàng SHB – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 15%/năm mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi được trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng	9.660.388.780	37.349.582.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.831.490.721	16.581.993.807
Thuế thu nhập cá nhân	389.381.316	817.038.557
Các loại thuế khác	152.874.184	194.562.208
Tổng cộng	29.034.135.001	54.943.177.421

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí xây dựng phần thô chung cư 225 Bến Chương Dương		6.596.068.676
Chi phí xây dựng công trình Đồng Nai 4	-	18.020.184.748
Chi phí cọc, bê tông cốt thép nhà máy xi măng Phương nam	652.249.675	652.249.675
Chi phí xây dựng công trình nhà máy xi măng Chinfon	2.396.300.155	2.396.300.155
Chi phí xây dựng công trình nhà máy dầu Tường An	332.095.909	812.032.828
Chi phí xây dựng công trình depot Suối Tiên	3.390.592.395	140.895.727
Chi phí xây dựng công trình Phan Duy		920.000.000
Chi phí xây dựng công trình mùa đường cồn Long Mỹ Phát	665.287.969	665.287.969
Chi phí khai thác đá Đồng Nai 4	5.364.834.545	227.815.593
Chi phí biệt thự 80, 84	-	286.183.198
Chi phí Tank lên men NM bia Sài Gòn	1.895.181.818	2.379.727.272
Chi phí CT NX Việt - Ý	728.489.148	1.758.097.497
Chi phí Nâng cấp đường Bà Rịa Vũng Tàu		7.236.363.636
Chi phí khối lượng kho lương thực đồng tháp	5.225.098.444	3.147.309.091
Chi phí cọc vây Miền Tây	-	78.380.000
Chi phí cọc tường vây Công ty Nam Minh Long	-	131.525.864
Chi phí Bến Phà Tam Hiệp	1.455.513.657	2.490.000.000
Chi phí Cảng cá Xẻo Nhàu		4.000.000.000
Chi phí xây dựng công trình nhà máy bia Bạc Liêu		580.000.000
Chi phí Xây lắp chính, nhà tạm, TB PCCC - Trụ sở BCHQS P15, Q5	264.545.455	-
Chi phí XD trường tiểu học Lý Cảnh Hón Quận 5	760.641.223	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí Xây dựng nhà lưu niệm văn phòng trung ương cục Miền Nam (46/HĐ-XD)	161.905.019	-
Chi phí Trụ sở UBND phường 2 Quận 5	411.000.000	-
Chi phí Trụ sở UBND phường 7 Quận 5	1.318.276.645	-
Chi phí Trụ sở Cty CP Viễn Thông Miền Tây (HĐKT số 02/10)	1.248.009.933	-
XD biệt thự lô C8 – Khu biệt thự Eden (07/CDC)	1.373.878.619	-
XD hệ thống phát thanh – camera - điện thoại thuộc TT phân phối dược phẩm Codupha	4.330.316.000	-
Thi công tòa cao ốc Eximland	1.179.476.364	-
XD nhà thực hành công nghệ cao Lilama	650.000.000	-
CC cộc đại trà BTCT – KTX ĐH quốc gia TP.HCM	3.971.491.522	-
Chi phí XL21-N2.TP2 xây lắp hạ tầng KP7,9 P.5, Q.Gò Vấp (HĐ 72/HĐ)	191.557.258	-
XD nhà máy SX thuốc thú y V.E.T	851.223.649	-
Thi công phần thân KS 202-203 BCD Q1, TP.HCM	2.431.928.571	-
Chi phí phải trả khác	9.056.519.729	8.552.413.573
Tổng cộng	50.306.413.702	61.071.135.502

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.807.933	11.154.433
Kinh phí công đoàn	1.306.935.324	1.054.484.820
Bảo hiểm	285.674.739	297.837.725
Phải trả khác	24.865.527.001	19.882.089.500
- Phí trả tạm ứng	10.808.285.241	10.307.323.656
- Phải trả khác	14.057.241.760	9.574.465.844
Tổng cộng	26.460.944.997	21.245.566.478

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

16. **VAY DÀI HẠN**

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay dài hạn	51.793.719.000	11.457.249.455
Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh (1)		8.161.950.455
Công ty Tài Chính Cao Su (2)	50.000.000.000	-
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11 (3)	1.683.119.000	3.029.499.000
Ngân hàng VID Public	110.600.000	265.800.000
Vay dài hạn đến hạn trả	51.600.000	2.912.580.000
Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh		2.176.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11		581.380.000
Ngân hàng VID Public	51.600.000	155.200.000
Số dư vay dài hạn	51.742.119.000	8.544.669.455

(2) Vay công ty Tài Chính Cao Su với lãi suất 1,3%/tháng, mục đích vay là đầu tư dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương, thời hạn vay 24 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(3) Vay ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn theo hợp đồng 0748048 ngày 26 tháng 12 năm 2007 với lãi suất 1,41%/tháng, mục đích mua máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo bằng tài sản máy móc thiết bị, thời hạn vay là 4 năm, thời hạn thanh toán theo kỳ 3 tháng. Và theo hợp đồng 6480-LAV-201000127 ngày 10 tháng 03 năm 2010 với lãi suất 1,18%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 225 Bến Chương Dương, thời hạn vay 18 tháng, lãi được trả hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Cổ đông	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của nhà nước	29.629.760.000	23,77	18.518.600.000	28,64
Vốn góp của các đối tượng khác	95.027.390.000	76,23	46.138.550.000	71,36
Tổng cộng	124.657.150.000	100	64.657.150.000	100

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức được chia

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	64.657.150.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	60.000.000.000	28.657.150.000
+ Vốn góp cuối kỳ	124.657.150.000	64.657.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.931.075.000	3.868.629.000
+ Chia bằng cổ phiếu	6.465.360.000	-
+ Chia bằng tiền	12.465.715.000	3.868.629.000

c. Cổ phiếu

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.465.715	6.465.715
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.465.715	6.465.715
+ Cổ phiếu phổ thông	12.465.715	6.465.715
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.465.715	6.465.715
+ Cổ phiếu phổ thông	12.465.715	6.465.715

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/1 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

d. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	64.657.150.000	48.476.809.600	11.556.782.318	4.034.149.598	21.120.741.223	149.845.632.739
- Tăng vốn	60.000.000.000	28.665.200.000	-	-	-	88.665.200.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	31.558.510.840	31.558.510.840
- Chia các quỹ			2.109.628.188	1.506.877.277	(5.123.382.741)	(1.506.877.277)
- Giảm khác					(550.833.022)	(550.833.022)
- Tăng khác					192.584.554	192.584.554
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.931.075.000)	(18.931.075.000)
Số dư cuối kỳ	124.657.150.000	77.142.009.600	13.666.410.506	5.541.026.875	28.266.545.854	249.273.142.835

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Luỹ kế từ đầu năm	Năm trước
Xây lắp	290.476.629.454	246.499.087.431
Dự án	41.323.912.713	27.372.817.191
Bán vật tư	16.832.892.859	10.473.403.762
Cho thuê nhà văn phòng	32.240.837.041	26.448.042.350
Khác	2.732.581.900	1.188.113.284
Tổng cộng	383.606.853.967	311.981.464.018

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Luỹ kế từ đầu năm	Năm trước
Xây lắp	276.488.907.538	243.634.269.406
Dự án	16.975.169.804	6.214.109.134
Bán vật tư	13.705.794.868	8.612.652.187
Cho thuê nhà văn phòng	12.591.845.441	9.919.211.470
Khác	1.573.358.087	1.146.740.949
Tổng cộng	321.335.075.738	269.526.983.146

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Luỹ kế từ đầu năm	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.812.795.866	1.401.910.560
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	597.721.780	1.038.896.493
Lợi nhuận được chia	148.174.000	36.560.000
Tổng cộng	3.558.691.646	2.477.367.053

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Luỹ kế từ đầu năm	Năm trước
Lãi tiền vay	8.834.402.721	3.407.893.478
Kinh doanh chứng khoán	2.682.120	18.709.777
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.297.965.680	595.016.067
Khác		46.152.505
Tổng cộng	10.135.050.521	4.067.771.827

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Luỹ kế từ đầu năm	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.371.429.679	6.620.374.089
Chi phí đồ dùng văn phòng	131.444.425	17.367.840
Thuế, phí, lệ phí	667.420.599	929.940.187
(Hoàn nhập)/ dự phòng	97.000.000	(1.508.355.635)
Chi phí khác	5.382.648.592	3.501.299.338
Tổng cộng	13.649.943.305	9.560.525.819

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm	Năm trước
Thu nhập trước thuế trong năm (1)	42.006.270.036	31.327.084.932
Lỗ không cần trừ (2)		1.507.665.600
Điều chỉnh tăng (3)		343.828.943
Lợi nhuận chịu thuế (4)=(1)+(2)+(3)	42.006.270.036	32.834.750.532
Điều chỉnh tăng (5)		4.655.826.006
Cổ tức, lợi nhuận được chia (6)	215.233.000	36.560.000
Thu nhập tính thuế (7)=(4)+(5)-(6)	41.791.037.036	37.454.016.538
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (8)	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp năm nay (9)=(7)*(8)	10.447.759.196	9.363.504.135
Thuế TNDN được giảm (10)		58.346.972
Truy thu thuế (11)		173.569.150
Thuế TNDN hiện hành (12)=(9)-(10)+(11)	10.447.759.196	4.267.054.957

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt


Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	865.998.134	515.480.377
Thù lao Ban kiểm soát	334.001.866	191.049.623
Ban giám đốc	1.501.880.00	1.294.739.700
Tổng cộng	2.701.880.000	2.001.269.700



Vũ Sinh Thiện
Kế toán trưởng
Ngày 14 tháng 02 năm 2011




Lê Văn Chính
Tổng giám đốc